

Số: 761/KH-TrTHCS

An Sinh, ngày 25 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH
Thực hiện nhiệm vụ đối với giáo dục dân tộc, Năm học 2024 - 2025

Căn cứ Công văn số 2961/SGDDT-GDPT ngày 16/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 đối với Giáo dục dân tộc (GDDT);

Căn cứ Kế hoạch số 224/KH-UBND ngày 08/9/2022 của UBND thị xã Đông Triều về triển khai công tác dân tộc ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Thực hiện Công văn số 1662/PGD&ĐT ngày 23/9/2024 của Phòng GDĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục dân tộc (GDDT);

Trường THCS An Sinh triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 đối với giáo dục dân tộc như sau:

A. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương của Đảng, Quốc hội và Nhà nước¹, của Tỉnh², thị xã³, về đổi mới và phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS, MN).

2. Rà soát, đánh giá các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục để tham

¹ Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI "về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"; Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 42/NQ-TW ngày 24/11/2023 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 841/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030.

² Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 09/10/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 17/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về "Phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào DTTS, miền núi, biên giới, hải đảo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030"; Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

³ Kế hoạch số 269/KH-UBND ngày 20/10/2022 của UBND thị xã về việc thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn thị xã Đông Triều giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

mưu ưu tiên nguồn lực đầu tư kiên cố hóa trường lớp, thiết bị dạy học; nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; thực hiện tốt chính sách đối với người dạy, người học, cơ sở giáo dục vùng đồng bào DTTS, MN.

3. Tập trung triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 phù hợp với vùng đồng bào DTTS, MN; tăng cường các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào DTTS, MN.

4. Triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng dạy học gắn với giáo dục kỹ năng sống; xây dựng môi trường giáo dục đa văn hóa trong các trường tập trung nhiều con em đồng bào DTTS; bảo tồn và phát triển tiếng nói, chữ viết của DTTS; quan tâm giáo dục văn hóa dân tộc cho học sinh vùng đồng bào DTTS, MN⁴.

5. Tăng cường nguồn lực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số giáo dục; phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trong GDDT; đổi mới và tăng cường công tác quản lý GDDT, công tác thông tin, truyền thông về GDDT.

B. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

I. Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi

1. Huy động học sinh là người DTTS ra lớp; tỷ lệ học sinh trung học cơ sở Tốt nghiệp THCS đạt 100%; giảm tỉ lệ học sinh bỏ học, nghỉ học; duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục nhằm hoàn thành các mục tiêu phát triển bền vững.

2. Về điều kiện triển khai Chương trình 2018: **(1)** tham mưu với các cấp tăng cường điều kiện về giáo viên, cơ sở vật chất, ưu tiên phân bổ, sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ ngân sách nhà nước để đầu tư bổ sung phòng học, phòng bộ môn, nhà vệ sinh để tổ chức dạy học 02 buổi/ngày theo hướng kết hợp dạy học với tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm hướng nghiệp gắn với các giá trị văn hoá đặc thù địa phương; **(2)** tham mưu xây dựng và triển khai phương án hỗ trợ sách giáo khoa cho học sinh diện chính sách, diện hộ nghèo, học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, học sinh DTTS; **(3)** chú trọng nội dung phụ đạo cho học sinh còn hạn chế về kết quả học tập, học sinh các lớp 9; nâng cao chất lượng dạy và học môn tiếng Anh; chú trọng thiết kế kế hoạch hoạt động sao cho học sinh nhà trường nói chung và học sinh khuyết tật, nhóm yếu thế nói riêng

⁴ Công điện số 1385/CD-TTg ngày 20/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường, bảo đảm các điều kiện ăn, ở, sinh hoạt và học tập cho trẻ em mầm non, học sinh nội trú, bán trú, học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Công văn số 404/BGDĐT-GDDT về việc tăng cường, bảo đảm các điều kiện ăn, ở, sinh hoạt và học tập cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông; Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 30/10/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “Về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực nội sinh, động lực cho phát triển nhanh, bền vững”; Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh về Triển khai Dự án 6 “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021-2025 (triển khai năm 2024-2025).

được đảm bảo an toàn, thân thiện; **(3)** triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số của nhà trường theo Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên⁵.

3. Tiếp tục thực hiện đúng, đủ kịp thời các chế độ, chính sách đối với người dạy, người học và các cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào DTTS, MN, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn⁶. Thực hiện rà soát, đánh giá tình hình thực hiện chính sách đối với người dạy, người học và cơ sở giáo dục vùng đồng bào DTTS, MN;

4. Nâng cao hiệu quả, chất lượng đối với công tác giáo dục trải nghiệm, trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm hướng đến mục tiêu giúp cho học sinh việc hình thành và phát triển các năng lực thích ứng cuộc sống và định hướng tương lai; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp; đồng thời góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể đó là đóng góp vào hoạt động bồi dưỡng 5 phẩm chất: *Yêu nước, Nhân ái, Chăm chỉ, Trung thực, Trách nhiệm* và các năng lực chung là: *Năng lực tự học và tự chủ, Năng lực giao tiếp và hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*.

II. Thực hiện các hoạt động giáo dục đặc thù

1. Thực hiện nghiêm các quy định về công tác tuyển sinh, hướng dẫn học sinh của các DTTS vào học trường PTDTNT theo quy định hiện hành⁷. Tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức cho học sinh về chủ trương, đường lối, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, về bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam. Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền và phổ biến giáo dục pháp luật cho học sinh.

⁵ Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 10/11/2023 của UBND tỉnh về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030. Kế hoạch số 340/KH-UBND ngày 20/12/2023 của UBND thị xã Đông Triều về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thị xã. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Bộ tiêu chí về mức độ chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục,

⁶ Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ); chính sách đối với học sinh các trường PTDTNT và trường DBĐH theo Thông tư số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT; chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở thôn, xã đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016; chính sách đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên DTTS rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017; chính sách học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách cho học sinh, sinh viên theo quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020; chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên DTTS theo Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020; chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019; chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo quy định tại Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021.

⁷ Chỉ thị số 733/CT-BGDĐT ngày 10/5/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy khi thực hiện TTHC, dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Bảo đảm các điều kiện sinh hoạt và học tập cho học sinh; an ninh, an toàn trường học, phòng tránh nạn tảo hôn, các hủ tục lạc hậu và duy trì sĩ số học sinh

3. Chú trọng giáo dục văn hóa dân tộc, giáo dục đạo đức, lối sống, giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục; thực hiện hiệu quả công tác tư vấn tâm lý, công tác xã hội cho học sinh; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và địa phương trong quản lý, giáo dục học sinh; tăng cường an ninh, an toàn trường học, đảm bảo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường và xây dựng trường học hạnh phúc.

4. Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học, chú trọng giáo dục học sinh tinh thần tương thân tương ái, đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập và sinh hoạt; ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, xây dựng nếp sống văn minh, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường, tham gia tuyên truyền trong gia đình, cộng đồng về xóa bỏ các hủ tục (tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống,...) Tổ chức tốt công tác quản lý, chăm sóc, an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định. Chủ động phối hợp với cơ sở y tế của địa phương chăm sóc sức khỏe cho học sinh, tích cực phòng ngừa và ứng phó với dịch bệnh và các tình huống bất thường khác.

5. Huy động các nguồn lực tài chính và các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các hoạt động dạy học/giáo dục trong nhà trường theo hướng lý thuyết gắn với thực hành và thực tiễn, tổ chức tốt các hoạt động giáo dục hướng nghiệp - dạy nghề truyền thống phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6. Tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục đặc thù, hoạt động bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa các dân tộc; tăng cường sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục để đa dạng các hình thức tổ chức rèn kỹ năng hoạt động độc lập, kỹ năng từ chối, kỹ năng tự quyết định, kỹ năng tự bảo vệ; triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng dạy học gắn với giáo dục kỹ năng sống; xây dựng hệ sinh thái cộng đồng cho người DTTS khai thác nguồn tri thức bản địa, thúc đẩy, tôn vinh văn hóa bản địa, giáo dục, nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên học sinh người Kinh trên địa bàn nhằm xóa định kiến cản trở sự hòa nhập của học sinh người DTTS.

II. Tăng cường công tác quản lý giáo dục dân tộc, truyền thông, thông tin về giáo dục dân tộc

1. Tăng cường công tác phân cấp quản lý GDDT; chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương về phát triển GDDT, cơ chế chính sách, giải pháp thiết thực, cụ thể nhằm nâng cao chất lượng GDDT; hoàn thiện hệ thống quản lý.

2. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về GDDT của nhà trường. Thực hiện tốt công tác thông tin, chế độ báo

cáo, đáp ứng có chất lượng, kịp thời các văn bản chỉ đạo về GDDT của Phòng GD&ĐT.

3. Nâng cao trách nhiệm giải trình, thực hiện nguyên tắc dân chủ, đảm bảo sự tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

4. Tiếp tục đẩy mạnh việc quán triệt, tuyên truyền về các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Bộ GD&ĐT về đổi mới giáo dục và đào tạo, đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018; các chủ trương, chính sách mới về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS, MN. Chủ động phối hợp xử lý kịp thời, hiệu quả các vấn đề truyền thông liên quan đến GDDT; các vấn đề mang tính thời sự, đột xuất, xã hội quan tâm để nhân dân phối hợp, hiểu, chia sẻ, ủng hộ và đồng hành cùng ngành giáo dục. Phát huy thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở là nơi diễn ra các hoạt động giáo dục ngoài nhà trường và hướng dẫn thực hành văn hóa thể thao góp phần nâng cao dân trí, nâng cao thể chất con người, ươm mầm cho những sáng tạo có chất lượng cao về văn hóa, nghệ thuật và thể thao; định hướng thẩm mỹ và ngăn chặn việc truyền bá văn hóa phản động, đồi trụy, các tệ nạn xã hội trên địa bàn dân cư, xây dựng mô hình giáo dục hoà nhập xã hội văn minh cho học sinh DTTS đồng thời gắn với bảo tồn lịch sử, văn hoá bản địa, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc phù hợp với tiềm năng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

5. Tăng cường truyền thông rộng rãi những tấm gương người tốt, việc tốt trong phát triển GDDT, biểu dương những nỗ lực của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh nhằm khích lệ, động viên, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong ngành giáo dục và cộng đồng xã hội.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo nhà trường

- Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giáo dục dân tộc năm học 2024 -2025; Triển khai Kế hoạch đến các tổ chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên nội dung kế hoạch giáo dục năm học 2024 -2025 đối với giáo dục dân tộc của nhà trường.

- Phó hiệu trưởng phối hợp với chuyên môn THCS của Phòng GD&ĐT để thực hiện các nội dung theo kế hoạch; báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học đối với giáo dục dân tộc về Phòng GD&ĐT qua bộ phận chuyên môn cấp học trước ngày **25/06/2025** (theo đề cương báo cáo của PGD)

2. Giáo viên

- Thực hiện tốt giáo dục đối với HS DT, nâng cao chất lượng môn học.
- GVCN thường xuyên quan tâm tới HSDT, báo cáo số liệu HSDT kịp thời

3. Tổ chuyên môn, văn phòng

- Tổ chuyên môn ăn cứ nội dung tại Kế hoạch của nhà trường thực hiện nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh là người dân tộc;
- Kế toán phối hợp với GVCN và các bộ phận liên quan triển khai các chế độ chính sách liên quan tới học sinh dân tộc sao cho đảm bảo, đúng quy định.
- Giáo viên kiêm nhiệm công tác văn phòng là đầu mối **quản lý, phụ trách về GDDT.**
- Báo cáo kết quả về Ban giám hiệu vào cuối mỗi học kỳ để kịp sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục dân tộc năm học 2024-2025 của nhà trường.

Trên đây là nội dung triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 đối với giáo dục dân tộc của trường THCS An Sinh, đề nghị các bộ phận, cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường triển khai thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo nhà trường (c/đ);
- BCH Công đoàn (p/h);
- CBGVNV (t/h)
- Công TTĐT đơn vị;
- Lưu: VP.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Kim Mai

PHỤ LỤC
SỐ LIỆU HỌC SINH DÂN TỘC NĂM HỌC 2024-2025

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi ở
Lớp 6A				
1	Diệp Đức Thắng	24/12/2013	Sán đùu	Sơn Lộc- An Sinh-
Lớp 6B				
2	Lại Văn Bảo Nam	30/5/2013	Hoa	Đà Sen- An Sinh
Lớp 6C				
3	Vi Đoàn Tuấn Kiệt	13/05/2013	Nùng	Đà Sen - An Sinh
Lớp 7A				
4	Ma Thị Khánh Băng	06/04/2012	Tày	Đà Mối - An Sinh
5	Từ Hoa Lan	07/02/2012	Hoa	Bà Xã - An Sinh
Lớp 7B				
6	Lại Phúc Bảo An	28/11/2012	Hoa	Đà Sen- An Sinh
7	Trương Thị Hậu	18/11/2012	Hoa	Tam Hồng -An Sinh
Lớp 7D				
8	Tạ Nhật Anh	01/01/2012	Hoa	Bà Xã - An Sinh
Lớp 8A				
9	Trần Thị Thu Hà	13/09/2011	Hoa	Thành Long - An Sinh
10	Trương Thị Thanh Thư	20/01/2011	Hoa	Tam Hồng - An Sinh
11	Trần Hải Ngọc	09/09/2011	Hoa	Nghĩa Hưng - An Sinh
Lớp 8B				
12	Lại Văn Quang	03/10/2011	Hoa	Đà Sen - An Sinh
Lớp 8C				
13	Trần Vĩnh Bình	10/05/2011	Hoa	Bà Xã - An Sinh
Lớp 9A				
14	Tạ Phương Long	04/02/2010	Hoa	Đà Mối – An Sinh
Lớp 9B				
15	Hoàng Thị Hương	17/03/2010	Hoa	Bãi Dài- An Sinh
Lớp 9C				
16	Hà Đình Kiên	7/3/2010	Mường	Đà Mối – An Sinh